

BÀI TẬP TUẦN 26**BẢNG THỐNG KÊ BÁN HÀNG**

Mặt hàng	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4
Bắp				
Cà phê				
Đậu xanh				
Tiêu				
Đậu nành				

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP:

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Địa chỉ
1	Lê Anh			
2	Tuấn Anh			
3	Hồng Hạnh			
4	Thúy Hằng			
5	Huỳnh Đức			
6	Đỗ Tuấn			

THỜI KHÓA BIỂU

	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5
Sáng				
RA CHƠI – RA CHƠI – RA CHƠI				
Chiều				

DANH SÁCH ĐIỂM THI

Stt	Họ tên	Anh Văn		Vi tính	
		Viết	Nghe	Lý thuyết	Thực hành
1					
2					
3					
4					
Thấp nhất					
Cao nhất					

BÀI TẬP TUẦN 27

BẢNG LƯƠNG NHÂN VIÊN
THÁNG 8/2004

STT	HỌ & TÊN	CHỨC VỤ	LƯƠNG/ 26 NGÀY	NGÀY CÔNG	TIỀN LƯƠNG	TẠM ỨNG	TIỀN LÃNH
1	Trần Văn An	TP	900.000	28			
2	Đỗ Thị Hồng	NV1	400.000	20			
3	Phan Chấn Quốc Thọ	NV2	400.000	26			
4	Nguyễn Thị Thùy Linh	PP	800.000	22			
5	Phan Khánh	NV1	400.000	27			
6	Trần Thị Hà	NV2	400.000	26			
7	Lê Phú Đức	NV2	400.000	25			
8	Nhan Minh Quang	NV1	400.000	23			
	TỔNG CỘNG						

THỐNG KÊ BÁN HÀNG

MẶT HÀNG	Đơn Giá	Số lượng	Thành Tiền	Thành Tiền VN	Số tháng góp	Trả lần 1	Còn lại	Tiền góp	Góp 1 tháng
Computer 286	330	7			12				
Computer 386 SX 3*3	440	14			24				
Computer 386 DX 10	760	30			12				
Computer 486 DX2-66	1350	13			6				
Computer 486 DX-50	1100	19			6				
Printer LPSON I-X 11	510	5			12				
Printer I X 800	200	9			12				
Printer IIP JET III	1500	5			6				
Tổng cộng:									

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT

KHU VỰC	PHÂN BỐ CHỈ TIÊU		KẾ HOẠCH SẢN XUẤT					
			TRỒNG TRỌT			CHĂN NUÔI		
			LÚA	BẮP	RAU	BÒ	HEO	GÀ
NGOẠI THÀNH	1	Đông xuân	50	36	30	64	38	45
	2	Hè thu	40	28	25	76	78	30
	3	Vụ mùa	55	40	45	46	79	63
NỘI THÀNH	1	Đông xuân	20	22	24	54	33	75
	2	Hè thu	25	24	36	50	45	67
	3	Vụ mùa	40	20	70	62	57	40
CỘNG								

MẶT HÀNG	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	THUẾ VAT	TIỀN PHẢI TRẢ
KHOAI	5000	2000			
BẮP	2500	2000			
ĐẬU XANH	4500	5000			
GAO THƠM	4000	4500			
NẾP	7000	6300			
BÁNH TRÁNG	3000	5000			
GAO LỨT	5000	2500			
BẮP MỸ	2000	3000			
ĐẬU NÀNH	6000	2700			